

# Niên khóa năm reiwa 7. ngày vứt rác. lịch thu rác trong năm

⑧ khu asahikita, kisawachiku (Niên khóa năm reiwa 7 là từ ngày 1 tháng 4 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2026.) 公所、根坂間、河内、徳延、纏、日向岡、上吉沢、下吉沢、めぐみが丘 (Guzo、Nezakama、Kochi、Tokunobu、Matoi、Hinataoka、Kamikichisawa、Simokichisawa、Megumigaoka)

## Rác cháy được

### Mỗi tuần. Thứ ba. Thứ sáu

Cuối năm cuối cùng ngày 30 tháng 12 (Thứ ba)  
Đầu năm bắt đầu ngày 6 tháng 1 (Thứ ba)



## Chai nhựa



## Nhựa tạp

(nhựa tạp, bao bì, đồ đựng)

### Mỗi tuần Thứ năm

Cuối năm cuối cùng ngày 25 tháng 12 (Thứ năm)  
Đầu năm bắt đầu ngày 8 tháng 1 (Thứ năm)

※phân chia tách túi rác. chai nhựa. nhựa tạp.

## Khi vứt rác. đề nghị tuân thủ

### Quy định về cách làm, nơi, ngày, giờ

- ◇ Khi vứt rác, phải vứt vào nơi qui định của khu vực đó trong thời gian từ sáng sớm đến 8 giờ 30 phút sáng.
- ◇ Kết thúc rồi. sau đó xin đừng vứt rác.
- ◇ Xin đừng vứt rác nơi khác.
- ◇ Cả ngày nghỉ cũng làm thu gom (ngoại trừ thứ bảy, chủ nhật)。
- ◇ Ở sân thảo và lá cây. vụn vụn. rất nhiều rác là Xin hãy nửa sau tuần vứt rác.  
※1 lần thu gom 3 bao.
- ◇ công cuộc tác trái (công ty, nhà máy) . không vứt rác được.

## Rác tái sinh

### Tuần thứ 1, 3. Thứ tư

Mỗi tháng. ngày 29, 30, 31. Không có thu gom.

| Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10 | Tháng 11 | Tháng 12 | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng 3 |
|---------|---------|---------|---------|---------|---------|----------|----------|----------|---------|---------|---------|
| 2       | 7       | 4       | 2       | 6       | 3       | 1        | 5        | 3        | 7       | 4       | 4       |
| 16      | 21      | 18      | 16      | 20      | 17      | 15       | 19       | 17       | 21      | 18      | 18      |

## Rác không đốt được

### Tuần thứ 2, 4. Thứ tư

Mỗi tháng. Ngày 29, 30, 31, Không có thu gom.

| Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10 | Tháng 11 | Tháng 12 | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng 3 |
|---------|---------|---------|---------|---------|---------|----------|----------|----------|---------|---------|---------|
| 9       | 14      | 11      | 9       | 13      | 10      | 8        | 12       | 10       | 14      | 11      | 11      |
| 23      | 28      | 25      | 23      | 27      | 24      | 22       | 26       | 24       | 28      | 25      | 25      |